

Số: 309/QĐ-UBND

An Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn Nghị định 91/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch Tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch “Phát động thi đua trong thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám Đốc Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng), Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Huy).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang)*

Nhằm tổ chức phong trào thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) An Giang xây dựng Kế hoạch “Phát động thi đua trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021”, với các nội dung trọng tâm sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Phát huy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, đặc biệt là các hoạt động rà soát quy định thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoặc liên thông thực hiện thủ tục hành chính nhằm góp phần thực hiện công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

- Phát hiện kịp thời những cách làm hay, tác động tích cực đến mức độ hài lòng của người dân về chất lượng tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên cơ sở kế hoạch tổ chức và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh.

- Đảm bảo thủ tục hành chính được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả các cấp và trên môi trường điện tử (Cổng DVCTT) thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương được kiểm soát về nghiệp vụ; Qua đó tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phong trào thi đua phải được triển khai với những việc làm thiết thực, cụ thể, tránh hình thức, phô trương, lãng phí.

#### **II. ĐỐI TƯỢNG**

##### **1. Tập thể**

Tập thể các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

## **2. Cá nhân**

Cán bộ, công chức có thành tích trong thực hiện thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính hoặc có sáng kiến cải cách thủ tục hành chính.

### **III. TIÊU CHÍ THI ĐUA, HÌNH THỨC, SỐ LƯỢNG KHEN THƯỞNG, THỜI GIAN PHÁT ĐỘNG THI ĐUA**

**1. Tiêu chí chấm điểm thi đua:** Phụ lục kèm theo Kế hoạch này

**2. Hình thức và số lượng khen thưởng:**

- a) Bằng khen UBND tỉnh cho 11 tập thể;
- b) Bằng khen UBND tỉnh cho 11 cá nhân;
- c) Khen thưởng đột xuất (nếu có): Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Đoàn Kiểm tra KSTTHC đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật.

**3. Thời gian phát động thi đua:** Từ 01/01/2021 đến 15/12/2021.

### **IV. MỨC CHI VÀ NGUỒN KINH PHÍ KHEN THƯỞNG**

1. Mức khen thưởng: theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn Nghị định 91/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng.

2. Kinh phí: Nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh năm 2021.

### **V. THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

**1. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng (02 bộ)**

- Văn bản đề nghị xét khen thưởng kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
- Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, địa phương.
- Bảng tự đánh giá, chấm điểm thi đua kiểm soát thủ tục hành chính theo Phụ lục.
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

**2. Trình tự đề nghị khen thưởng**

- Tập thể, cá nhân lập hồ sơ khen thưởng hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính gửi về Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Tổng hợp); Sáng kiến gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/12/2021 để tổng hợp.

- Ngay sau khi nhận được quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh từ Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp hồ sơ khen thưởng gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng tỉnh) đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng.

**\* Lưu ý:**

- Các cơ quan, địa phương đề nghị khen thưởng cho tập thể và cá nhân phải thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, địa phương xét duyệt.

- Kết quả thi đua của cơ quan, địa phương căn cứ vào kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua nêu tại mục 1, phần III kế hoạch này.

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tự chấm điểm thi đua kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 (theo Phụ lục) trên cơ sở các tiêu chí chấm điểm thi đua và kết quả cơ quan, địa phương đã thực hiện. Kết quả tự chấm điểm của tập thể các cơ quan, địa phương đề nghị khen thưởng phải gửi kèm tài liệu kiểm chứng (báo cáo, kế hoạch, quyết định ...), nếu không có tài liệu kiểm chứng thì giải thích lý do chấm điểm.

- Các hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ hoặc gửi trễ thời gian quy định không được xem xét.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng UBND tỉnh**

- Tổ chức triển khai kế hoạch này đến các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp hồ sơ khen thưởng, thông qua Hội đồng Thi đua, khen thưởng UBND tỉnh cho ý kiến đối với tập thể, cá nhân được đề xuất; phối hợp Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng tỉnh) trình UBND tỉnh xem xét và quyết định những tập thể, cá nhân đạt thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021.

**2. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố về trình tự, thủ tục để được công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

**3. Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố:** Ban hành Kế hoạch Phát động thi đua trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành

chính năm 2021 hoặc lồng ghép vào Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn và trong đơn vị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả. Kinh phí khen thưởng từ nguồn kinh phí đã được cấp cho đơn vị.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu còn khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ về Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Tổng hợp) để được hướng dẫn kịp thời./.

## TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

### KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH NĂM 2021

*(Kèm theo Kế hoạch Phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021)*

**Ghi chú:** Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, không tính **03 điểm** tại Stt thứ 2 mục IV (Mục này dành cho các cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện)

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
<b>TỔNG ĐIỂM</b>		<b>16</b>	<b>103</b>	<b>20</b>	<b>100</b>
<b>I</b>	<b>VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KSTTHC</b>				
1	<i>Việc ban hành các Kế hoạch: KH hoạt động kiểm soát TTHC; KH rà soát, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính; Kế hoạch tuyên truyền;...</i>				
	Trước ngày 10/3/2021		2		2
	Sau ngày 10/3/2021	0		0	
2	<i>Thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính</i>				
	Thực hiện đầy đủ		2		4
	Thực hiện không đầy đủ	0		0	
<b>II</b>	<b>KIỂM SOÁT QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)</b>				
1	<i>Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền</i>				
	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền		5		
	Có TTHC ban hành trái thẩm quyền	0			
2	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC</i>				
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý		5		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0			

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
<b>III</b>	<b>CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ</b>				
1	<i>Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh</i>				
	Đúng quy định		10		
	Không đúng quy định	0			
2	<i>Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố</i>				
	Đúng quy định		5		
	Không đúng quy định	0			
3	<i>Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cập nhật quy trình nội bộ sang quy trình điện tử trên Cổng DVCTT của tỉnh.</i>				
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh đã được công bố	0	5		
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đã được công bố	0	5	0	5
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được công bố	0	5	0	5
4	<i>Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC</i>				
	100% số cơ quan, đơn vị		5		8
	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị	3		4	
5	<i>Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị</i>				
	100% số CQCM cấp tỉnh công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình	0	5		



STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
	100% số ĐVHC cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình			0	5
6	<b>Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh</b>				
	100% CQCM cấp tỉnh đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3	5		
	100% UBND cấp huyện đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			3	5
	100% UBND cấp xã đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			3	5
<b>IV</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>				
1	<b>Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa</b>				
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh	0	5		
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			0	5
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã			0	5
2	<b>Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt</b>				
	Từ 100% số TTHC trở lên		3		3
	Dưới 80% số TTHC	0		0	
3	<b>Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp</b> <b>Lưu ý:</b> Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp sẽ đạt điểm tối đa (2 điểm) đối với tiêu chí này				

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
	Từ 15 TTHC hoặc nhóm TTHC	0	2		
	Từ 25 TTHC hoặc nhóm TTHC			0	3
4	<p><b>Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền</b></p> <p><b>Lưu ý:</b> Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền sẽ đạt điểm tối đa (2 điểm) đối với tiêu chí này</p>				
	Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC		2		
	Từ 20 - 29 TTHC hoặc nhóm TTHC				2
<b>V</b>	<b>KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC</b>				
1	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (bao gồm Cổng DVCTT)</b>				
	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 10}{100\%} \right]$		10		
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	0			
2	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (bao gồm Cổng DVCTT)</b>				
	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 8}{100\%} \right]$				8
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn			0	

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
3	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (bao gồm Công DVCTT)</b>				
	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 8}{100\%} \right]$				8
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn			0	
4	<b>Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC</b>				
	Đầy đủ, đúng quy định		2		2
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định	0		0	
5	<b>Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương</b>				
	Từ 80% - 100% CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên		5		5
	Từ 80% - 100% UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên	3		3	
VI	<b>TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH</b>				
1	<b>Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</b>				
	Tất cả kiến nghị đã được trả lời		2		2
	Tất cả kiến nghị đang trả lời	1		1	
2	<b>Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh</b>				

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn			
		Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định		2		2
	Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	0		0	
<b>VII</b>	<b>SÁNG KIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
	2 sáng kiến được cấp có thẩm quyền được phê duyệt		4		4
	1 sáng kiến được cấp có thẩm quyền được phê duyệt	2		2	
<b>VIII</b>	<b>THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÓ THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐÃ THỰC HIỆN CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ</b>				
	Từ đủ 20% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm		4		4
	Từ đủ 10% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm	2		1	
<b>IX</b>	<b>THỰC HIỆN VIỆC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ HỒ SƠ YÊU CẦU CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ</b>				
	Trên 3600 hồ sơ thực hiện chứng thực điện tử				5
	Trên 1500 hồ sơ thực hiện chứng thực điện tử			1	
<b>X</b>	<b>THỰC HIỆN ĐÚNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
	Gửi báo cáo trước hạn		3		3
	Gửi báo cáo đúng hạn	2		2	
	Gửi báo cáo trễ hạn	0		0	